TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2025/LĐ-ST
Ngày: 11 – 4 - 2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Thanh Hải

2. Bà Phạm Thị Thu Yến.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 406/2024/TLST-LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2025/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 406/2025/QĐST-LĐ ngày 24/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1983; thường trú tại: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên hệ: 1 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần S; trụ sở: Đường số D, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V, vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị B, sinh năm 1986; thường trú tại: B H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Dương Thị Đ trình bày:

Do cần rút bảo hiểm xã hội một lần nên bà Dương Thị Đ liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương thì được cung cấp thông tin bà Dương Thị Đ, sinh ngày 01/6/1983, số chứng minh nhân dân 183339733, số căn cước công dân 042183005023 đã tham gia bảo hiểm xã hội với các mã số sau:

Mã số 9103028802 tham gia từ tháng 7/2003 đến tháng 11/2024 tại công ty cổ phần S, trong đó thời gian từ tháng 7/2003 đến tháng 4/2012 đã chốt sổ bảo hiểm xã hội, chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần và đã nhận trợ bảo hiểm thất nghiệp.

Mã số 9101042202 tham gia từ tháng 01/2001 đến tháng 5/2001 tại công ty TNHH H, chưa được bảo hiểm xác nhận chốt sổ, chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần, chưa nhận trợ cấp thất nghiệp.

Mã số 9104160859 tham gia từ tháng 01/2003 đến tháng 02/2009 tại doanh nghiệp tư nhân M tre lá H, chưa xác nhận chốt sổ, đã nhận bảo hiểm xã hội một lần, chưa nhận trợ cấp.

Mã số 7410219102 tham gia từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 tại công ty TNHH H, chưa được bảo hiểm xác nhận chốt sổ, chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần, chưa nhận trợ cấp thất nghiệp.

Đối với mã số bảo hiểm số 9103028802 thì bà Dương Thị Đ xác định không phải bà Dương Thị Đ là người lao động mà là bà Dương Thị B là em ruột của bà Dương Thị Đ ký kết hợp đồng lao động. Vào khoảng tháng 7/2003 bà Dương Thị B có mượn chứng minh nhân dân của bà Dương Thị Đ để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S. Trong thời gian này thì bà Dương Thị Đ cũng đang làm việc tại công ty khác. Đến tháng 10/2010 thì bà Dương Thị Đ vào làm việc công ty S sử dụng mã số bảo hiểm này để tiếp tục làm việc, lúc này bà Dương Thị B đã có chứng minh nhân dân nên sử dụng chứng minh nhân dân của bà B để ký kết hợp đồng lao động với công ty S.

Bà Dương Thị Đ xác định việc bà Dương Thị B sử dụng chứng minh nhân dân của bà Dương Thị Đ để ký kết hợp đồng lao động là không đúng quy định pháp luật. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Dương Thị Đ (do Dương Thị B là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty cổ phần S trong khoảng thời gian làm từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2010 là vô hiệu.

Bà Dương Thị Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ gồm có: Sổ bảo hiểm xã hội của bà Đ (bản sao); căn cước công dân của bà B và bà Đ (bản sao); công văn số 71 của Bảo hiểm xã hội thành phố T.

Bị đơn - Công ty cổ phần S đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227

và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đại diện Công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Dương Thị B trình bày:

Bà Dương Thị B và bà Dương Thị Đ là chị em ruột, vào khoảng tháng 7/2003 bà B có mượn chứng minh nhân dân của chị ruột là Dương Thị Đ để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S. Bà B ký hợp đồng lao động và làm việc với Công ty Cổ phần S với tên Dương Thị Đ từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2010, đến tháng 10/2010 thì bà Dương Thị Đ vào công ty S làm việc sử dụng luôn hợp đồng lao động của bà Dương Thị B đã ký kết với tên bà Dương Thị Đ. Thực tế từ tháng 10/2010 trở đi thì bà Dương Thị Đ là người ký kết và là việc tại công ty S. Do đã có chứng minh nhân dân nên từ tháng 10/2010 thì bà Dương Thị B ký kết lại hợp đồng lao động với công ty S với tên là Dương Thị B.

Nay bà Dương Thị Đ yêu cầu khởi kiện thì đồng ý theo yêu cầu của bà Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả vô hiệu của hợp đồng lao động giữa bà B và Công ty Cổ phần S.

Do tôi bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình tố tụng đối chất, xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có)…...

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Bà Dương Thị Đ, sinh ngày 01/6/1983, số chứng minh nhân dân 183339733; số căn cước công dân 042183005023 được Công ty cổ phần S đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp cho bà Dương Thị Đ từ tháng 7/2003 đến tháng 11/2024 mã số sổ Bảo hiểm xã hội 9103028802.

Tuy nhiên trong thời gian này bà Dương Thị Đ tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9104160859 tại doanh nghiệp tư nhân M tre lá H từ tháng 01/2003 đến tháng 02/2009 và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7410219102 từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 tại công ty H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng, riêng bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Dương Thị Đ khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Dương Thị Đ (do bà Dương Thị B là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty cổ phần S trong khoảng thời gian từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2010 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - Công ty cổ phần S có địa chỉ trụ sở chính tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà Đ, bà B và Bảo hiểm thành phố T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa bà Dương Thị Đ và Công ty cổ phần S. Tuy nhiên bà B, bà Đ thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung:

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương cung cấp có cơ sở xác định bà Dương Thị Đ cho bà Dương Thị B mượn hồ sơ mang tên bà Dương Thị Đ để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2010 tại Công ty cổ phần S theo số Bảo hiểm xã hội 9103028802 là có căn cứ vì theo công văn của bảo hiểm xã hội thành phố T cung cấp trong thời gian này bà Dương Thị Đ cũng tham gia tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9104160859 tại doanh nghiệp tư nhân M tre lá H từ tháng 01/2003 đến tháng 02/2009 và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7410219102 từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 tại công ty H. Như vậy cùng 01 số chứng minh nhân dân nhưng một lúc tham gia 02 mã số bảo hiểm cùng một lúc là không đúng quy định.

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại Công ty cổ phần S từ 7/2003 đến tháng 9/2010 là bà Dương Thị B chứ không phải bà Dương Thị Đ. Việc bà Dương Thị B mượn hồ sơ của bà Dương Thị Đ để đi làm tại Công ty cổ phần S là vi phạm nguyên tắc "trung thực" quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019), do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) và Điều 49, Điều 50 Bộ luật lao động năm 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đ.

[6] Bà Dương Thị B và Công ty cổ phần S không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Dương Thị Đ tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty cổ phần S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 và Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Dương Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn - Công ty cổ phần S.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Dương Thị Đ (do bà Dương Thị B ký) và Công ty cổ phần S trong thời gian từ tháng 7/2003 đến tháng 9/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Dương Thị Đ theo quy định pháp luật.

2 . Về án phí: Bà Dương Thị Đ tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005412 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Lê Thị Ngọc